

CHÍNH PHỦ
Số: 93/2001/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2001

NGHỊ ĐỊNH

Về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho Thành phố Hồ Chí Minh

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2001/NQ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về nội dung phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7 năm 2001;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại tờ trình số 3113/UB-TT ngày 07 tháng 9 năm 2001,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về nội dung phân cấp quản lý nhà nước cho Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trên một số lĩnh vực sau đây:

- Quản lý quy hoạch, kế hoạch, đầu tư và phát triển kinh tế, xã hội;
- Quản lý nhà, đất và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Quản lý ngân sách nhà nước;
- Tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức.

Điều 2. Mục tiêu phân cấp

Tăng cường phân cấp quản lý cho thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Thành phố) nhằm đề cao trách nhiệm và tạo điều kiện phát huy tính chủ động, sáng tạo để giải quyết kịp thời các vấn đề đặt ra thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân Thành phố, khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của Thành phố trong phát triển kinh tế - xã hội, tương xứng với vị trí, vai trò của Thành phố đối với cả nước và khu vực.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

Việc phân cấp quản lý cho Thành phố được thực hiện theo những nguyên tắc sau đây:

1. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tập trung thống nhất và thông suốt của Chính phủ; đồng thời phát huy trách nhiệm quyền tự chủ, tính năng động, sáng tạo của Thành phố trong việc thực hiện những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.
2. Phân cấp quản lý gắn liền với việc tăng cường trách nhiệm kiểm tra của các Bộ, ngành đối với hoạt động của chính quyền Thành phố.
3. Phân cấp quản lý đi đôi với việc thực hiện chương trình cải cách hành chính ở các cấp chính quyền nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước ở địa phương; tạo thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp và đời sống của nhân dân.
4. Phù hợp với pháp luật hiện hành về thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
5. Phân cấp quản lý đi đôi với tăng cường trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân Thành phố và mở rộng dân chủ, thực hiện công khai cho cấp dưới tham gia bàn bạc và giám sát thực hiện.

Chương 2:

QUẢN LÝ VỀ QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH, ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI

Điều 4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch

1. Trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm:

a) Xây dựng, phê duyệt quy hoạch chi tiết và điều chỉnh cục bộ quy hoạch để bảo đảm tính đồng bộ, hài hoà và phù hợp với từng giai đoạn phát triển, nhưng không làm thay đổi quan điểm và định hướng của quy hoạch tổng thể đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Làm đầu mối trong việc phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các đơn vị của Trung ương đóng trên địa bàn để xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch ngành trên địa bàn;

c) Phối hợp và hợp tác, hỗ trợ với các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong việc xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả Vùng.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm:

a) Xây dựng chiến lược và phát triển quy hoạch ngành, quy hoạch Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam làm căn cứ để Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch ngành trên địa bàn;

b) Hướng dẫn và phối hợp với ủy ban nhân dân Thành phố trong việc xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố;

c) Giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch của Thành phố.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị của ủy ban nhân dân Thành phố; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan phải trả lời bằng văn bản về kiến nghị đó. Quá thời hạn trên, nếu không có ý kiến trả lời, thì coi như đồng ý với kiến nghị của ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan liên quan phải chịu trách nhiệm về các nội dung thuộc thẩm quyền của mình. Ủy ban nhân dân Thành phố được quyền quyết định và báo cáo với Thủ tướng Chính phủ.

3. Các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam:

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có trách nhiệm phối hợp với ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trong việc thực hiện quy hoạch tổng thể và quy hoạch chuyên ngành trong Vùng, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất về các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi toàn Vùng.

Điều 5. Quản lý đầu tư

1. Đối với một số dự án đầu tư sử dụng vốn trong nước (trừ các dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc phòng có tính bảo mật quốc gia, thành lập và xây dựng khu công nghiệp mới, sản xuất chất độc hại, chất nổ không phụ thuộc vào quy mô) do Ủy ban nhân dân thành phố quản lý, nhưng thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, nay Thủ tướng Chính phủ phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án và ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư và triển khai các bước tiếp theo của quá trình thực hiện dự án.

2. Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố được quyền quyết định các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn trong nước, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn do Thành phố quản lý, trừ những dự án có nguồn vốn ODA, vốn tín dụng nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính bảo lãnh.

3. Đối với các dự án nêu tại khoản 2 Điều này mà Thủ tướng Chính phủ phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố được ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và Giám đốc các Sở, Ban, ngành triển khai thực hiện đầu tư. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm về sự ủy quyền này trước Thủ tướng Chính phủ.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm trong việc quyết định và chỉ đạo triển khai thực hiện các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền phù hợp với quy hoạch,

kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố và tuân thủ các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, môi trường theo quy định về quản lý ngành đối với từng dự án.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư tại Thành phố theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 6. Thẩm quyền trong công tác đấu thầu

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố được phê duyệt kế hoạch đấu thầu, tiêu chuẩn xét thầu, kết quả đấu thầu, chỉ định các gói thầu đối với các dự án thuộc thẩm quyền quản lý của Thành phố, trên cơ sở tuân thủ các điều kiện cụ thể của Quy chế đấu thầu ban hành tại Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 1999 và Nghị định số 14/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP.

Điều 7. Sắp xếp và tổ chức lại doanh nghiệp nhà nước

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố được quyền quyết định việc cổ phần hoá, giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê và sắp xếp đối với doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của ủy ban nhân dân Thành phố. Việc thực hiện các nội dung tại Điều này phải tuân thủ các quy định khác của pháp luật có liên quan và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 8. Ban hành các quy định nhằm khuyến khích xã hội hoá các dịch vụ công ích và hạ tầng xã hội

1. Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các chế độ ưu đãi, cơ chế quản lý cụ thể nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia rộng rãi các dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn dưới các hình thức khoán, đấu thầu, trợ giá dịch vụ công ích do các chủ đầu tư cung cấp hoặc ký hợp đồng mua các loại dịch vụ công ích đô thị.

2. Trên cơ sở Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 21 tháng 8 năm 1997 và Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn